

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2019/HS-PT
Ngày: 29-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Tiến Tăng

2/ Ông Trần Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 18/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo AH do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

AH, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/7/1988 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông AHI và bà YH; có vợ là YT và 05 con (con lớn nhất 10 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2013/HS-ST ngày 18/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, bị cáo AH bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 26/02/2014, bị cáo chấp hành xong án phạt tù (đã được xóa án tích). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: AJ và AT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 23/7/2018 bị cáo AJ đến nhà các bị cáo AH và AT tại thôn K, xã Đ, thành phố K, rủ trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 14 giờ cùng ngày, AT điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77M1-7782, kiểu dáng Dream và AH điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34F7-6130, kiểu dáng Dream, kéo theo 01 xe cộ bằng kim loại, màu xanh và mang theo 01 bộ cờ - lê, qua nhà AJ, AJ cầm theo 01 con dao, dài khoảng 75cm và 01 bộ cờ-lê bỏ lên xe cộ kéo. AT điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77M1-7782 chở AJ kéo theo xe cộ đến khu rẫy của anh Nguyễn Toàn T, AH điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34F7-6130 đi sau. Các bị cáo dùng xe phía ngoài và đi bộ vào bên trong rẫy nơi đặt máy bơm của anh T, các bị cáo dùng cờ-lê tháo máy và mở ốc vít. AT mang 01 đầu bơm màu xám đặt lên xe cộ kéo, AH và AJ mang 01 máy nổ màu đỏ đặt lên xe mô tô biển kiểm soát 34F7-6130 cột lại và phủ cỏ lên trên. AH điều khiển xe chở theo máy nổ, AT điều khiển xe chở AJ kéo theo xe cộ đi cất giấu. Khi gần về đến thôn K, xã Đ, thành phố K, AJ bị Cơ quan Công an phát hiện và đưa về trụ sở làm việc. Đến ngày 24/7/2018, các bị cáo AT và AH đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo sự việc.

Kết luận định giá số 34/ĐG-TS ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện: 01 máy nổ, hiệu Chang Hong màu đỏ và 01 đầu bơm, hiệu Văn Thể, màu xám có tổng giá trị là 5.982.000 đồng (Năm triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo AJ, AT và AH phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo AJ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/3/2019).

Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo AT 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/3/2019).

Giao các bị cáo AJ và AT cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo AJ và AT có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo AJ và AT thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo AJ và AT cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo AH 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/3/2019, bị cáo AH kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo AH về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo AH về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: AJ là người khởi xướng và tham gia với vai trò người thực hành cùng bị cáo AT và AH trong vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo AT và AJ đều được Tòa cấp sơ thẩm cho hưởng án treo. Đối với bị cáo AH căn cứ quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì các điều kiện về mức hình phạt, nơi cư trú, tình tiết giảm nhẹ đảm bảo điều kiện xem xét cho hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo đã từng bị kết án tại bản án số 148/2013/HSST ngày 18/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt bị cáo 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích nhưng không chấp hành đúng pháp luật, lại tiếp tục phạm tội với cùng hành vi cố ý, cho thấy bị cáo là người dễ bị rủ rê, lôi kéo, bản chất lười lao động. Vì vậy, việc cho hưởng án treo là không đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo AH.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo AH.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h và s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo AH 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo AH phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Phòng Cảnh sát THA hình sự Công an tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Chi Cục THADS TP. Kon Tum;
- Bị cáo;- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân